

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM QUỐC GIA VỀ LÚA GẠO

TS NGUYỄN VĂN LIỄU

Vụ trưởng Vụ KH&CN các ngành kinh tế - kỹ thuật
Phó Trưởng ban Chủ nhiệm Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia
Bộ KH&CN

Ngày 16.12.2012, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định đưa “sản phẩm lúa gạo chất lượng cao, năng suất cao” vào Danh mục các sản phẩm quốc gia để có các biện pháp thúc đẩy phát triển. Tuy nhiên, để “lúa gạo chất lượng cao, năng suất cao” thực sự trở thành một sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh lớn, xứng tầm với một sản phẩm quốc gia thì còn rất nhiều việc cần phải làm...

Sự cần thiết phải phát triển mạnh sản phẩm quốc gia về lúa gạo

Nhìn lại hơn 20 năm đổi mới của đất nước, những thành công trong sản xuất nông nghiệp (nhất là trong sản xuất lúa gạo) đã đưa nước ta thành điểm sáng của thế giới về phát triển nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo. Việt Nam đã nhiều năm liền là quốc gia xuất khẩu lúa gạo lớn nhất thế giới. Chính sự thành công trong phát triển nông nghiệp đã tạo nền tảng vững chắc cho chúng ta thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những năm gần đây, sản xuất lúa gạo vẫn phát triển nhưng thực tiễn đã chỉ ra rất nhiều vấn đề cần giải quyết để phát triển bền vững.

Năm 2012, sản lượng lúa gạo của Việt Nam tiếp tục gia tăng và đạt mức kỷ lục là 43,7 triệu tấn (tăng thêm 1,26 triệu tấn so với năm 2011), năng suất bình quân đạt 5,63 tấn/ha, cao nhất trong các nước Đông Nam Á. Xuất khẩu gạo đạt trên 8,1 triệu tấn với giá trị 3,7 tỷ USD, tăng 13,9% về lượng và 2,1% về giá trị so với cùng

kỳ năm 2011. Lần đầu tiên Việt Nam vượt Thái Lan về xuất khẩu gạo. Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) - vựa lúa lớn nhất của cả nước đóng vai trò quyết định vào thành tích nêu trên với sản lượng kỷ lục trong năm 2012 là 24,6 triệu tấn (tăng 1,1 triệu tấn so với năm 2011), chiếm 54,78% tổng sản lượng và cung cấp trên 90% sản lượng gạo xuất khẩu.

Mặc dù sản lượng và giá trị lúa gạo xuất khẩu của Việt Nam ngày càng tăng, song giá gạo xuất khẩu vẫn luôn thấp, tính cạnh tranh của gạo Việt Nam ngày càng yếu thế, nhất là trong bối cảnh mà ngoài Thái Lan lại có thêm nhiều đối thủ xuất khẩu gạo như Ấn Độ, Myanmar, Campuchia... làm cho người nông dân Việt Nam sản xuất ra lúa gạo xuất khẩu vẫn nghèo. Vụ chiêm xuân năm 2013, giá lúa ở ĐBSCL nhiều lúc xuống thấp (chỉ còn 4 đến 5 ngàn đồng/kg) và thực tế cho thấy, ĐBSCL - vựa lúa lớn nhất của cả nước nhưng cũng là một trong những vùng nghèo nhất của cả nước. Tại sao lại có nghịch lý như vậy? Nguyên nhân thì có nhiều, nhưng những nguyên nhân chủ yếu vẫn

là do chúng ta đã có quá nhiều giống lúa được công nhận, trong khi chưa có một bộ giống lúa có chất lượng cao được trồng đại trà; chúng ta chưa có được công nghệ hợp lý sau thu hoạch, vì vậy gạo của Việt Nam luôn là loại gạo có chất lượng thấp trên thị trường; chúng ta chưa có được cách thức quản lý chất lượng phù hợp trong quá trình tổ chức sản xuất, tiêu thụ lúa gạo, làm cho chất lượng lúa gạo của chúng ta không ổn định, không xây dựng được các thương hiệu gạo mạnh cho xuất khẩu; chúng ta thiếu những chính sách hỗ trợ cho người nông dân sản xuất cũng như những chính sách hỗ trợ thương mại không phù hợp cũng là những nguyên nhân làm giảm hiệu quả trong sản xuất và thương mại lúa gạo.

Chính vì vậy, một chương trình khoa học và công nghệ (KH&CN) đồng bộ nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN, từ nghiên cứu đến tổ chức sản xuất để nâng cao chất lượng, năng suất (trước hết là chất lượng) của lúa gạo Việt Nam phục vụ mục tiêu nâng giá trị của gạo Việt Nam trên thị trường thế giới là rất cần thiết.

Những giải pháp chủ yếu để phát triển sản phẩm quốc gia về lúa gạo

Để giải một bài toán cho phát triển, điều đầu tiên là phải tìm ra các hạn chế trong chính sự phát triển ấy. Đối với bài toán nâng cao giá trị sản xuất lúa gạo (nhất là lúa gạo cho xuất khẩu), chúng ta cũng cần phải tìm ra các nhân tố hạn chế trong chính quá trình sản xuất lúa gạo để đề ra các giải pháp phù hợp thúc đẩy phát triển.

Cụ thể về những nhân tố hạn chế và giải pháp trọng tâm để giải quyết, chúng tôi xin được trình bày như sau:

Trước hết, phải nói là chúng ta chưa có được bộ giống lúa có chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu gạo: giống lúa trong sản xuất ở ĐBSCL hiện nay (trên 80%) chủ yếu do Viện Lúa ĐBSCL nghiên cứu tạo ra. Tuy số lượng giống được chọn tạo và đưa vào sản xuất lớn (gần 70 giống được công nhận giống quốc gia từ năm 1985 đến nay) song chúng ta lại thiếu bộ giống chủ lực, có chất lượng gạo tốt, được sản xuất trên quy mô lớn phục vụ cho xuất khẩu, tương đương Khao Dawk Mali hay gạo Basmati của Pakistan và Ấn Độ. Ngược lại, một số giống lúa có chất lượng rất kém (như IR50404) lại được nông dân ĐBSCL trồng trên diện tích lớn (ví dụ: năm 2012 có tới 60% diện tích lúa của tỉnh Tiền Giang, 52% diện tích của tỉnh Đồng Tháp trồng bằng giống IR50404).

Để giải quyết hạn chế nêu trên, chúng ta phải xây dựng và thực thi một định hướng rõ ràng trong nghiên cứu chọn tạo giống lúa, ứng dụng các công nghệ chọn tạo giống truyền thống kết hợp với công nghệ sinh học hiện đại, với mục tiêu chọn tạo ra một bộ giống

lúa chất lượng cao với số lượng không lớn (có thể chỉ là 3 đến 5 giống) phù hợp cho sản xuất ở vùng ĐBSCL. Đó là những giống lúa có chất lượng cao, với hàm lượng amylose phải dưới 20%, có hương thơm, đáp ứng được nhu cầu của thị trường thế giới; đồng thời năng suất cũng phải khá, có khả năng chống chịu đối với các loại sâu bệnh hại chính, có khả năng thích nghi tương đối rộng để có thể trồng ở nhiều tiểu vùng sinh thái thuộc ĐBSCL. Điều này sẽ tạo ra khả năng trồng trên diện rộng, tạo lượng hàng hóa đủ lớn để xây dựng và phát triển thành thương hiệu mạnh cung cấp cho xuất khẩu gạo.

Thứ hai, mặc dù nhiều kỹ thuật canh tác mới như “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, gieo sạ đồng loạt né rầy, hệ thống thâm canh lúa cải tiến (SRI), sử dụng chế phẩm sinh học (Ometar và Biovip) để trừ rầy nâu, bọ xít... đã được áp dụng, song các kỹ thuật này thường được đưa vào sản xuất theo cách đơn lẻ, thiếu tính đồng bộ. Hạn chế này cùng với việc sản xuất manh mún và những tác động của biến đổi khí hậu đã làm cho tình hình dịch hại, sâu bệnh tăng cao. Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá đã bùng phát thành dịch; rầy nâu sinh ra những biến chủng mới kháng thuốc hơn... Nguy cơ bùng phát những loại dịch bệnh mới vẫn đe dọa sản xuất lúa vùng ĐBSCL.

Hiện nay, thất thoát sau thu hoạch trong sản xuất lúa ở nước ta ước tính không dưới 10%. Các công nghệ sau thu hoạch lúa gạo ở nước ta cũng chưa thực sự tốt. Đối với sản xuất lúa gạo hàng hóa quy mô lớn, rất cần có công nghệ đồng bộ từ sấy khô, bảo quản, xay sát, chế biến để chống tổn thất sau thu hoạch, duy trì và nâng cao chất lượng gạo. Các công nghệ này còn cần phải tiết kiệm năng

lượng để giảm chi phí sản xuất. Thực tế trên đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục phát triển và ứng dụng những quy trình sản xuất lúa tiên tiến, đặc biệt là việc áp dụng các phương pháp sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP... đáp ứng được yêu cầu của các thị trường mà gạo Việt Nam hướng tới.

Thứ ba, tổ chức sản xuất lúa dựa trên mô hình kinh tế hộ theo “Khoán 10” hơn 20 năm trước đây là rất có hiệu quả cho nền nông nghiệp nói chung cũng như sản xuất lúa nói riêng, nhưng đã nhiều năm trở lại đây, nó đang là lực cản cho sản xuất. Kinh tế hộ luôn đồng nghĩa với sự manh mún. Làm sao có thể ứng dụng tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả, làm sao chúng ta có thể có một nền sản xuất hàng hóa dựa trên sự manh mún? Và làm sao chúng ta có thể tạo được lượng lúa gạo lớn có chất lượng đồng đều dựa trên nền tảng của sự sản xuất manh mún? Có thể nói, không thể có một nền sản xuất nông nghiệp hiện đại dựa trên kinh tế hộ.

Gần đây mô hình “cánh đồng mẫu lớn” trong sản xuất lúa đang ngày càng phát triển ở các địa phương là một hướng đi đúng, tạo điều kiện tốt để đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong sản xuất lúa. Để việc phát triển “cánh đồng mẫu lớn” đúng hướng, trước hết cần có một quy hoạch phát triển hợp lý cho vùng lúa xuất khẩu chủ lực. Nhiệm vụ này phải thuộc trách nhiệm của Bộ nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, của UBND các tỉnh/thành phố vùng ĐBSCL.

Chỉ có phát triển “cánh đồng mẫu lớn” không cũng chưa đủ, mà chúng ta phải tính đến việc thay đổi quan hệ sản xuất trong sản xuất lúa nói riêng, trong nông nghiệp nói chung. Việc phát triển



“cánh đồng mẫu lớn” cần có sự gắn kết chặt chẽ, lâu dài mang tính chiến lược giữa doanh nghiệp với các tổ chức KH&CN và nông dân cùng tổ chức thực hiện, chia sẻ lợi ích để có hiệu quả bền vững. Như vậy, đã đến lúc chúng ta cần *đổi mới quan hệ sản xuất* để làm cho sản xuất lúa hàng hóa dựa trên mô hình hạt nhân là doanh nghiệp kết hợp với kinh tế hộ (không phải đơn thuần kinh tế hộ nữa) có sự liên kết chặt chẽ với các viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức KH&CN khác. Sự liên kết này với mục tiêu lớn nhất là *xây dựng được hạt gạo Việt Nam có thương hiệu mạnh* trên thị trường xuất khẩu cũng như tiêu dùng trong nước; sản phẩm quốc gia về lúa gạo phải là sản phẩm hướng tới đáp ứng tốt nhất yêu cầu của thị trường. Để thúc đẩy phát triển quan hệ sản xuất, cần có vai trò của Nhà nước trong việc tạo lập và thực thi các chính sách hỗ trợ. Như vậy, cùng với “3 nhà” (nhà doanh nghiệp, nhà nông, nhà khoa học) như đã nêu ở trên, với sự góp mặt của Nhà nước đã tạo nên một “liên kết 4 nhà” bền vững mà hạt nhân là “nhà doanh nghiệp” là rất cần thiết trong sản

xuất nông nghiệp hàng hóa nói chung và sản xuất lúa gạo nói riêng trong điều kiện hiện nay.

Thực tế hiện nay chúng ta cũng đã có những mô hình thành công trong tổ chức sản xuất, giải quyết được mối quan hệ nêu trên như các mô hình ở An Giang, Sóc Trăng... Điển hình là mô hình tổ chức sản xuất lúa gạo của Công ty Bảo vệ Thực vật An Giang đang làm hiện nay (từ nghiên cứu tạo giống lúa, tổ chức các đội cán bộ kỹ thuật cơ sở giúp đỡ nhà nông - FF, đổi mới công nghệ sấy, xay sát lúa gạo liên hoàn, đến lo thị trường xuất khẩu gạo) để làm cho doanh nghiệp trở thành lực lượng nòng cốt, hạt nhân trong chuỗi giá trị sản xuất lúa (đã liên kết với Viện Lúa ĐBSCL trong nghiên cứu chọn tạo giống, liên kết sản xuất với gần 6.000 hộ nông dân trên diện tích gần 20 ngàn ha và xuất khẩu gần 30.000 tấn gạo chất lượng cao vào các thị trường như Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông, Các tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất, Mỹ, Úc...). Đối với các doanh nghiệp chuyên kinh doanh xuất khẩu gạo như các tổng công ty, công ty lương thực hiện nay chưa xây dựng được mối liên kết

ràng buộc pháp lý và lợi ích đối với nông dân nên gặp tình trạng “rớt giá” thì nông dân chịu, lãi thì chỉ doanh nghiệp hưởng vẫn là phổ biến. Điều cần làm là phải có quy định pháp lý bắt buộc doanh nghiệp xuất khẩu gạo phải có vùng nguyên liệu xuất khẩu (có vùng sản xuất lúa) đáp ứng với sản lượng mà doanh nghiệp đó xuất khẩu.

Chúng tôi cho rằng, việc liên kết, liên minh tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm mà nòng cốt là doanh nghiệp là mô hình cần thiết và là điều kiện thành công của phát triển sản phẩm quốc gia về lúa gạo. Mô hình này cần có cơ chế để bảo đảm lợi ích của tất cả các bên tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất lúa gạo, tránh tình trạng nông dân càng làm càng thua lỗ, tổ chức KH&CN nghiên cứu về lúa có nhiều thành tựu nghiên cứu nhưng vẫn nghèo, chỉ có doanh nghiệp thương mại (cung cấp vật tư, bán sản phẩm nông nghiệp) là hưởng lợi. Song cơ chế đó phải bảo đảm ưu tiên, ưu đãi để xây dựng và phát triển các doanh nghiệp hạt nhân của cả chuỗi giá trị sản xuất lúa gạo mà tên tuổi của các thương hiệu lúa gạo Việt chất lượng cao gắn liền với tên tuổi của các doanh nghiệp đó.

Phát triển *sản phẩm quốc gia về lúa gạo* là một chương trình nhiều kỳ vọng của Chính phủ Việt Nam nhằm nâng tầm vóc và giá trị, sức cạnh tranh của lúa gạo Việt trước “sức nóng” của thị trường lúa gạo thế giới. Sự thành công của chương trình này chỉ có thể có được khi chúng ta có cách tiếp cận hoàn toàn mới theo định hướng thị trường, kể cả trong nghiên cứu, tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường lúa gạo Việt Nam ■